

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

|    | Mã SV    | Họ đệm         | Tên    | Lớp       | Công nợ học phí | Công nợ thu khác | Tổng công nợ | GHI CHÚ |
|----|----------|----------------|--------|-----------|-----------------|------------------|--------------|---------|
| 1  | 19001761 | Tô Trần        | Bằng   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 2  | 19002411 | Trương Mỹ      | Dung   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 3  | 19003262 | Nguyễn Thanh   | Duy    | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 4  | 19004482 | Nguyễn Duy     | Khiêm  | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 5  | 19002291 | Nguyễn Tuấn    | Kiệt   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 6  | 19002277 | Nguyễn Kim     | Ngân   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 7  | 19002574 | Phạm Thị Bích  | Ngọc   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 8  | 19003107 | Nguyễn Thị Yên | Nhi    | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 9  | 19001744 | Trần Ngọc      | Nhi    | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 10 | 19002454 | Trần Thị Yên   | Nhi    | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 11 | 19001066 | Trần Hồng      | Quân   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 12 | 19001163 | Nguyễn Thị     | Quỳnh  | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 13 | 19001654 | Nguyễn Đức     | Thuận  | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 14 | 19003308 | Nguyễn Vũ      | Trưởng | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 15 | 19002026 | Dương Khải     | Tuấn   | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 16 | 19001697 | Lê Văn         | Uy     | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 17 | 19000942 | Bùi Cẩm        | Vi     | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 18 | 19002228 | Trần Thanh     | Vũ     | 19T4-TCD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |